

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thôn;

2. Ông Lê Văn Huy.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 990/2017/QĐXX ST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1985, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1978, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Phú T xây dựng hạnh phúc với nhau được tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Như T, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T sống không tu chí, không có trách nhiệm với gia đình anh chơi bời cờ bạc nợ nần vợ chồng thống nhất phải bán nhà để trả nợ cho anh T, vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh chửi nhau. Chị kiên nhẫn chịu đựng vì con chung và khuyên can nhưng anh T không thay đổi cách sống, không biết điểm dừng. Tuy anh T đi làm có tiền nhưng chỉ chi tiêu chơi bời cho bản thân không tu chí gia đình, vợ chồng mâu thuẫn chị không còn tình cảm với anh T nên chị thuê nhà trọ ở riêng và sống ly thân với anh T từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Phú T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Phú H, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004; Nguyễn Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2006 và Nguyễn Phú H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Phú H và nhường quyền nuôi con cho anh T nuôi con Nguyễn Phú H và Nguyễn Lê Thu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh T không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Nguyễn Phú T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, vợ chồng cãi nhau anh nóng giận có đánh chị T. Chị T bỏ đi thuê nhà trọ ở riêng và không chung sống với anh từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Anh tìm nhưng chị T không về và làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 03 con chung họ, tên, tuổi như chị T trình bày. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn anh thì anh đề nghị được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh thống nhất với chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; anh T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phú T; về con chung:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị T nuôi con Nguyễn Phú H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014; giao cho anh Nguyễn Phú T nuôi con Nguyễn Phú H, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004; Nguyễn Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2006. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Phú T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Phú T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Phú T xây dựng hạnh phúc với nhau được tự nguyện và có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình chơi bời cờ bạc nợ nần, vợ chồng phải bán nhà trả nợ. Vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh cãi nhau mặc dù được gia đình khuyên can hoà giải nhưng không có quả. Chị T thuê nhà trọ ở riêng và sống ly thân với anh T từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Hai bên không ai quan tâm đến ai.

Căn cứ vào các tài liệu xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh T, anh T xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh T tự tước bỏ quyền và lợi ích của mình được pháp luật bảo vệ. Chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Nguyễn Phú H, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004; Nguyễn Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2006 và Nguyễn Phú H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Phú H và nhường quyền cho anh T nuôi con Nguyễn Phú H và Nguyễn Lê Thu H. Anh T nhận nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T và anh T đều là lao động tự do, chị T có việc làm có thu nhập đảm bảo cuộc sống nhưng hiện thuê nhà ở trọ, chị có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Phú H vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh T hiện có nhà ở ổn định, cháu Nguyễn Phú H và cháu Nguyễn Lê Thu H đều có ý kiến xin được ở với bố. Xét thấy anh T nhận nuôi 03 con không đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho các con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con anh chị, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Lê Thị T nuôi con Nguyễn Phú H; giao cho anh T nuôi con Nguyễn Phú H và Nguyễn Lê Thu H là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Phú T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phú H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Phú H, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004 và con Nguyễn Lê Thu H, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2006 cho anh Nguyễn Phú T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo pháp luật quy định. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002599 ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Phú T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh

Hoá;

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn